

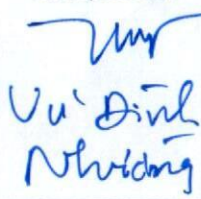
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

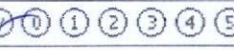
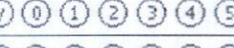
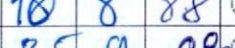
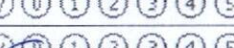
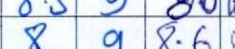
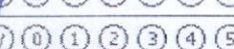
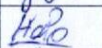
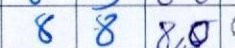
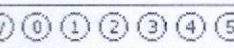
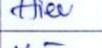
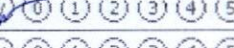
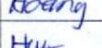
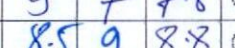
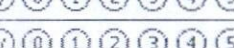
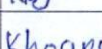
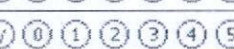
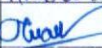
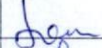
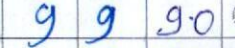
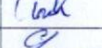
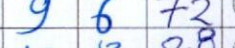
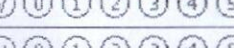
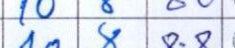
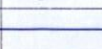
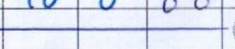
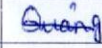
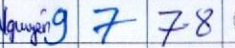
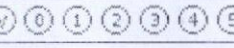
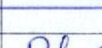
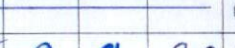
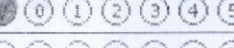
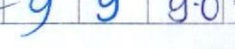
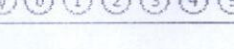
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lò hơi (228327) - Nhóm 02**

CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Vu Đình Nhường	 Nam Phan	 Vu Đình Nhường	 Nam Phan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C				8,5	9	8,8		
2	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B				10	8	8,8		
3	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C				10	8	8,8		
4	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C				8,5	9	8,8		
5	2121180107	DƯƠNG VĨNH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C				8	9	8,6		
6	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C				8	8	8,0		
7	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B				10	7	8,2		
8	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B				9	8,5	8,8		
9	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C				9	7	7,8		
10	2121180101	DỤNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C				8,5	9	8,8		
11	2121180072	HUỲNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C				8,5	9	8,8		
12	2121180055	NGUYỄN TẤN KIẾT	04/10/2003	CCQ2118B				10	7	8,2		
13	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C				9	9	9,0		
14	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B				9	6	7,2		
15	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B				10	8	8,8		
16	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B				10	8	8,8		
17	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B								
18	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B				9	7	7,8		
19	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B								
20	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C				9	9	9,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lò hơi (228327) - Nhóm 02**

CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt:32....
Số bài thi:32....
Số tờ giấy thi:32....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C				10	9	9.4		
22	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B				0	0	0		
23	2121180037	ĐẶNG THANH SON	06/02/2003	CCQ2118B				10	6	7.6		
24	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B				10	8	8.8		
25	2121180052	ĐẶNG VĂN THIẾN	11/06/2002	CCQ2118B				10	9	9.4		
26	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B				9.5	8.5	8.9		
27	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C				9	7	7.8		
28	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B				10	9	9.4		
29	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C				9	8	8.4		
30	2121180105	LƯU MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C				8	7	7.4		
31	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B				9.5	7	8.0		
32	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B				10	8.5	9.1		
33	2121180077	NGUYỄN MINH TUYẾN	18/06/2003	CCQ2118C				9	7	7.8		
34	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C				10	8.0	8.8		
35	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C				9	7	7.8		